**PHIẾU ÔN TẬP KIẾN THỨC (Đề 23)**

**MÔN TIẾNG VIỆT KHỐI 3 – NĂM HỌC 2019 – 2020**

**A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)**

**I. Đọc thầm đoạn văn sau: (25 phút)**

**Bác tập thể dục**

Bác sống rất giản dị nhưng rất có nền nếp. Sáng nào cũng vậy, cứ khoảng bốn rưỡi, năm giờ, khi sương mù chưa tan, còn bồng bềnh trên các ngọn cây, khe núi, Người đã dậy, dọn dẹp chăn màn, đồ đạc rồi chạy xuống bờ suối tập thể dục và tắm rửa. Ở Khuổi Nậm không có đất, Bác cũng tạo một mặt phẳng đứng tập. Bác đẽo lấy bốn cái chày, hai cái vừa, hai cái to và nặng để thay tập tạ hàng ngày. Sáng sớm, Bác vẫn thường tập leo núi. Bác chọn những quả núi quanh vùng cao nhất để leo lên với đôi bàn chân không. Khi thì một, hai đồng chí đi theo Bác, khi thì Bác tập một mình. Có đồng chí nhắc Bác leo núi cần đi giày cho khỏi đau chân. Bác đáp:

- Tôi tập leo núi chân không cho quen.

Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh để chịu đựng với giá rét. Để luyện bàn tay đánh máy, Bác chọn hai hòn đá tròn như quả trứng gà. Khi nghỉ đánh máy, bác bóp tay vào đá nhiều lần.

 Theo cuốn: ***ĐẦU NGUỒN***.

*\* Khuổi Nậm: Tên một khu rừng gần hang Pác Bó( Tỉnh Cao Bằng), nơi Bác Hồ đã ở một thời gian khá dài trong kháng chiến chống Pháp.*

 **Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:**

**1. Sáng nào Bác cũng dậy tập thể dục từ lúc mấy giờ?**

A. Khoảng bốn giờ, bốn rưỡi.

B. Khoảng bốn rưỡi, năm giờ.

C. Khoảng năm giờ, năm rưỡi.

**2. Bác tự rèn luyện thân thể vào buổi sớm bằng những cách nào?**

A. Tập tạ, tắm nước lạnh, bóp tay vào hòn đá.

B. Tập tạ, leo lên núi cao, tắm bằng nước lạnh.

C. Tập tạ, leo lên núi cao, bóp tay vào hòn đá.

**3. Vì sao Bác thường tập leo núi với đôi bàn chân không?**

A. Vì Bác muốn quen dần với khó khăn, thử thách.

B. Vì Bác muốn quen dần với cuộc sống giản dị.

C. Vì bác muốn quen dần với cuộc sống khó khăn hơn.

**4. Bài văn có mấy lần sử dụng phép so sánh? (Gạch dưới từ ngữ có hình ảnh so sánh trong bài.)**

A. Một lần.

B. Hai lần.

C. Ba lần.

**5. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ giản dị trong bài:**

A. Đơn giản, dễ hiểu và cảm nhận, không có gì rắc rối.

B. Đơn giản, dễ gần gũi, không cầu kì trong cách sống.

C. Đơn giản, dễ hiểu một cách tự nhiên trong phong cách sống.

**6. Dòng nào dưới đây gồm 3 từ cùng nghĩa với từ *bồng bềnh?***

A. bồng bềnh, bập bềnh, bập bồng.

B. bềnh bồng, bập bềnh, bập bênh.

C. bập bềnh, bập bồng. bập bùng.

**7. Câu “Sáng sớm, Bác thường tập leo núi.” thuộc kiểu câu nào đã học?**

A. Ai là gì?

B. Ai làm gì?

C. Ai thế nào?

**8. Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ 7 từ chỉ hoạt động, trạng thái trong câu thứ hai của bài.**

A. tan, dậy, dọn dẹp, chạy, xuống, tập thể dục, tắm rửa.

B. tan, bồng bềnh, dậy, dọn dẹp, chạy, tập thể dục, tắm rửa.

C. tan, bồng bềnh, dọn dẹp, chạy, xuống, tập thể dục, tắm rửa.

**II. Đọc thành tiếng: 4 điểm. (Thời gian đọc 1 phút và trả lời câu hỏi).**

HS bốc thăm và đọc một đoạn khoảng 50 – 60 tiếng/ phút và trả lời một câu hỏi một trong bài tập đọc từ tuần 9 đến 20.

**B. Kiểm tra viết (10 điểm).**

**1. Viết chính tả: (3 điểm)** (12 – 15 phút)

Nghe – viết: **“Trần Bình Trọng”** trang 11 SGK Tiếng Việt 3 – tập 1.

**2. Tập làm văn: (7 điểm)**

Đề bài:  Em hãy viết một đoạn văn từ 7 đến 10 câu kể về bà của em.

Câu hỏi gợi ý:

- Giới thiệu về bà của em bao nhiêu tuổi? Bà làm nghề gì?

 - Tính tình, hình dáng, đặc điểm, (mái tóc, hàm răng, dáng người, …)

- Tình cảm của em với bà và tình cảm của bà đối với em?

**HƯỚNG DẪN CHẤM PHIẾU ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**MÔN TIẾNG VIỆT KHỐI 3**

 **NĂM HỌC: 2019 – 2020 (Đề 23)**

**A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)**

**I. Đọc thầm và trả lời câu hỏi:** *(6 điểm)*

**1.** *(0,5 điểm)*B. Khoảng bốn rưỡi, năm giờ.

**2.** *(0,5 điểm)*B. Tập tạ, leo lên núi cao, tắm bằng nước lạnh.

**3.** *(0,5 điểm)*A. Vì Bác muốn quen dần với khó khăn, thử thách.

**4.** *(1 điểm)*A. Một lần.

Bác chọn hai hòn đá tròn như quả trứng gà.

**5.** *(0,5 điểm)*B. Đơn giản, dễ gần gũi, không cầu kì trong cách sống.

**6.** *(1 điểm)*A. bồng bềnh, bập bềnh, bập bồng.

**7.** *(1 điểm)*B. Ai làm gì?

**8.***(1 điểm)*B. tan, bồng bềnh, dậy, dọn dẹp, chạy, tập thể dục, tắm rửa.

**II. Kiểm tra đọc thành tiếng (4 điểm)**

**–** Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm

– Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm

– Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1 điểm

– Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

**B. Kiểm tra viết (10 điểm)**

**1. Chính tả nghe – viết** (3 điểm)

– Tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm

– Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1 điểm

– Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm. (Sai 1 lỗi trừ 0,1đ, 2 lỗi trừ 0,25đ)

– Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm

**2. Tập làm văn (7 điểm)**

– *Nội dung*: (4 điểm) Viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu của đề bài.

– *Kĩ năng*:(3 điểm)

+ Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm

+ Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm

+ Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm